

Số: 1044/XDHN-BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PVOIL Hà Nội) xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

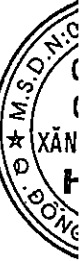
I. Đặc điểm tình hình năm 2023

1. Tình hình thị trường kinh doanh xăng dầu

Năm 2023, tình hình địa chính trị thế giới diễn biến phức tạp, tỷ giá ngoại tệ tăng cao dẫn đến giá cả hàng hóa cũng leo thang. Đối với thị trường kinh doanh xăng dầu trong nước, Nhà nước đã nhiều lần điều hành giá xăng dầu với biên độ tăng, giảm lớn, đồng thời điều chỉnh giá phí bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu xăng dầu để kiểm soát lạm phát cuối quý II và đầu quý III trước diễn biến giá xăng dầu có xu hướng tăng. Thị trường tiếp tục có sự cạnh tranh gay gắt từ các đơn vị đầu mối và lợi thế luôn nghiêng về các đơn vị có điều kiện về hạ tầng kinh doanh xăng dầu.

2. Tình hình nhân sự của HĐQT năm 2023

Năm 2023, Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội duy trì hoạt động với cơ cấu nhân sự bao gồm 5 thành viên, trong đó Chủ tịch HĐQT chuyển sang chế độ làm việc chuyên trách kể từ ngày 09/08/2023. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, HĐQT luôn thực hiện theo đúng phân công nhiệm vụ và có sự trao đổi, thống nhất trong phương



thực hoạt động đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2023

1. Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn, Tổng công ty và triển khai Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2023

HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn và Tổng công ty, đồng thời triển khai thực các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023. HĐQT đã ban hành 20 Nghị quyết, Quyết định trong năm để chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ xuống đến đơn vị. Bên cạnh đó, HĐQT cũng tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng/ quý và đưa ra ý kiến nhận xét, đánh giá, định hướng hoạt động đối với hoạt động SXKD của đơn vị.

2. Đánh giá công tác tổ chức các cuộc họp định kỳ của HĐQT

Bên cạnh việc thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng/ quý với Ban điều hành Công ty, HĐQT đã tổ chức họp định kỳ hàng quý và họp đột xuất để xem xét các kiến nghị, đề xuất của Ban điều hành. Các vấn đề lớn, quan trọng đã được HĐQT phê duyệt thông qua trong năm trên cơ sở đề xuất của Ban điều hành và ý kiến của các thành viên HĐQT bao gồm:

- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2023 của PVOIL Hà Nội;
- Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên;
- Thông qua kế hoạch định biên lao động năm 2023;
- Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2022 của cán bộ quản lý và Người lao động PVOIL Hà Nội;
- Phê duyệt một số nội dung về cơ hội đầu tư CHXD tại Tổ dân phố số 5, Phường Tân Hà, TP.Tuyên Quang;
- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2023;
- Phê duyệt chi trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông Công ty;
- Phê duyệt thành lập Chi nhánh PVOIL Hà Nội tại Hải Dương;
- Phê duyệt đầu tư bổ sung phương tiện (Xe ô tô văn phòng).
- Thông qua sửa đổi Quy chế đầu tư và phát triển mạng lưới CHXD của PVOIL Hà Nội.
- Phê duyệt điều chỉnh GCN đăng kí đầu tư dự án Kho Bắc Giang và điều chỉnh hạng mục đầu tư dự án mở rộng Kho Bắc Giang.
- Phê duyệt xây dựng kế hoạch SXKD 2024.
- Thông qua các nội dung bổ nhiệm lại cán bộ, xếp lương và nâng bậc lương cán bộ quản lý của Công ty.

3. Công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của HĐQT với Ban điều hành và các tổ chức đoàn thể

a. Đối với Ban điều hành

Theo phân công công việc, từng thành viên HĐQT đã phối hợp, chỉ đạo và định hướng cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo từng lĩnh vực trong hoạt động SXKD đảm bảo tuân thủ đúng quy chế, quy định quản lý của Tổng công ty và Công ty.

Trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động SXKD, Ban điều hành đã triển khai nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành trong năm, đồng thời thực hiện tốt vai trò tham mưu cho các quyết sách của HĐQT. Các thành viên Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ và sâu sát trong chỉ đạo, đảm bảo hoạt động SXKD của đơn vị thông suốt và hiệu quả.

b. Đối với Ban kiểm soát

HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Hàng tháng, Ban kiểm soát đều duy trì báo cáo đánh giá hoạt động của Ban điều hành đồng thời đưa ra các cảnh báo rủi ro trong hoạt động SXKD của đơn vị để Ban điều hành có biện pháp khắc phục, phòng ngừa phù hợp.

c. Đối với các tổ chức đoàn thể

HĐQT luôn tuân thủ đúng quy chế phối hợp với Đảng, quy chế phân cấp trong quản lý cán bộ, thực hiện rà soát, đánh giá cán bộ, bổ nhiệm/ bổ nhiệm lại cán bộ trong phạm vi phân cấp. Đối với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, HĐQT luôn quan tâm, tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể hoạt động tốt, chăm lo, động viên khích lệ đời sống CBCNV Công ty. Trong năm, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Công ty đều hoàn thành việc xây dựng chương trình hành động, chương trình công tác năm 2023, phát động phong trào thi đua gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác an sinh xã hội, tổ chức thành công chương trình Ngày hội văn hóa PVOIL Hà Nội năm 2023; chương trình Đại hội công đoàn cơ sở PVOIL Hà Nội nhiệm kỳ 2023-2028 và tham gia các chương trình Hội thao, Hội diễn văn nghệ chào mừng kỉ niệm 15 năm ngày thành lập PVOIL đạt nhiều thành tích cao.

4. Đánh giá tình hình hoạt động của PVOIL Hà Nội trong năm tài chính 2023

Bảng các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2023:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2023	Thực hiện năm 2023	So với KH năm 2023
1	2	3	4	5	6=5/4
I	Sản lượng tiêu thụ				
1	Xăng dầu	M3/tấn	405.000	526.851	130,0%
2	Dầu mỡ nhờn	lít	86.000	91.490	106,4%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2023	Thực hiện năm 2023	So với KH năm 2023
II	Các chỉ tiêu kinh tế				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.141,2	9.231,8	150,3%
2	Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	200,7	276,5	137,7%
	Chi phí KDXD đồng/lít	Đồng/lít	480,0	517,35	107,8%
3	Lợi nhuận TT	Tỷ đồng	14,0	21,14	151,0%
4	Các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	588,0	823,4	140,0%
III	Chỉ tiêu đầu tư				
1	CHXD	CH	5	4	80,0%
IV	Chỉ tiêu lao động				
1	Định biên lao động	Người	435	437	100,4%
2	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu đồng	14,8	21,09	142,5%

Ghi chú: Kế hoạch phát triển CHXD năm 2023 là 04 CHXD. Tuy nhiên trong năm 2023 Tổng công ty Dầu Việt Nam-CTCP giao bổ sung nhiệm vụ cho đơn vị phát triển thêm 01 CHXD, nâng tổng số CHXD kế hoạch lên 05 CHXD.

4.1. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh

Tháng 01/2023, HĐQT đã phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2023 của PVOIL Hà Nội và báo cáo các chỉ tiêu kế hoạch chính tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch giao nội bộ và chủ động, sát sao chỉ đạo các đơn vị triển khai cụ thể nhiệm vụ trên từng lĩnh vực.

a. Về kinh doanh xăng dầu

- Năm 2023, PVOIL Hà Nội tiếp tục giữ vững vị thế là đơn vị phân phối hàng đầu của PVOIL, triển khai tốt các hoạt động kinh doanh theo chính sách bán hàng và công nợ của Tổng công ty, đảm bảo an toàn nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Khai thác linh hoạt và có hiệu quả nguồn hàng mua ngoài bổ sung (ngoài nguồn mua của TCT), nâng cao uy tín thương hiệu PVOIL đối với khách hàng.

- Đơn vị hoàn thành chỉ tiêu sản lượng bán hàng thực hiện năm 2023 cao nhất từ trước đến nay, đạt 526,8 nghìn m³/tấn, bằng 130,0% kế hoạch (405 nghìn m³), tăng 17% so với năm 2022 (451,9 nghìn m³). Đảm bảo hiệu quả kinh doanh tốt trong điều kiện bối cảnh thị trường khó khăn (Lợi nhuận đạt 21,14 tỷ đồng, bằng 151% kế hoạch).

- Hệ thống phân phối được duy trì ổn định, tỷ trọng kênh KHCN và bán lẻ chiếm 42,2% tổng tỷ trọng. Đơn vị tham gia và trúng nhiều gói thầu quan trọng với nhiều khách hàng trong ngành Than, Điện, Đường sắt...

- Sản lượng bán hàng theo kênh phân phối như sau:

STT	Kênh BH	ĐVT	KH 2023		TH 2023		TH/ KH 2023
			Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4
1	TNPP/TNNQ/ĐL	m ³ /tấn	200.000	49,4%	304.645	57,8%	152,3%
2	KHCN và mua bán	m ³ /tấn	102.000	25,2%	109.716	20,8%	107,6%
3	CHXD	m ³ /tấn	103.000	25,4%	112.490	21,4%	109,2%
Tổng cộng		m³/tấn	405.000	100%	526.851	100,0%	130,0%

* Sản lượng trên không bao gồm sản lượng DMN

Về phát triển hệ thống khách hàng, đơn vị đã rất nỗ lực cố gắng trong công tác thị trường để duy trì khách hàng truyền thống, tận dụng mọi cơ hội tiếp cận và mở rộng khách hàng tiềm năng. Kết quả thực hiện cả năm PVOIL Hà Nội có 159 khách hàng lớn, trong đó, 44 TNPP, 40 Đại lý/TNNQ, 75 khách hàng công nghiệp và TTTT và khoảng 11 khách hàng là các đơn vị nội bộ. Hoàn thành kế hoạch phát triển khách hàng bán buôn mới.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu truyền thống, năm 2023 PVOIL Hà Nội tiếp tục đẩy mạnh công tác bán hàng qua chương trình PVOIL Easy. Mặc dù đơn vị chỉ ký hợp đồng mới với 2 khách hàng bán hàng qua kênh PVOIL Easy nhưng sản lượng thực hiện của các khách hàng cũ tăng 36% so với 2022, vì vậy sản lượng cả năm có sự tăng trưởng tốt, đạt 32.102 m³, tương đương 115% kế hoạch và tăng 17% so với năm 2022.

b. Các hoạt động kinh doanh khác (ngoài xăng dầu)

- Dầu mỡ nhờn: Sản lượng Dầu mỡ nhờn tiêu thụ năm 2023 là 91.490 lít, đạt 106,4% so với KH, doanh thu DMN đạt 5,5 tỷ đồng. Trong năm 2023, đơn vị đã xây dựng điều chỉnh giá bán và chính sách bán hàng đối với sản phẩm DMN PVOIL Lube từ 01/7/2023 để các CHXD được tự chủ động quyết định giá bán đảm bảo nằm trong quy định giữa giá sàn và giá trần do Công ty quy định tại Quyết định số 2084/QĐ-XDHN ngày 26/6/2023.

- Kinh doanh khác: Với việc nỗ lực đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh khác ngoài xăng dầu, đến hết năm 2023, doanh thu từ kinh doanh khác của đơn vị đạt 13,7 tỷ đồng, trong đó: PVOIL care 83,8 triệu, Bảo hiểm TNDS 930 triệu đồng, PVMart 9 tỷ, trạm sạc Vinfast 3,7 tỷ (tại 25 CHXD). Trong đó Công ty đặc biệt chú trọng công tác vận hành hệ thống Cửa hàng tiện ích PVMART, vừa gia tăng giá trị, niềm tin cho khách hàng, quảng bá hình ảnh, thương hiệu PVOIL và vừa góp phần gia tăng đáng kể sản lượng bán lẻ tại các CHXD có PVMART, cụ thể sản lượng tại 2 CHXD Phù Lỗ và Hồ Sen sau sửa chữa và có hệ thống CH tiện ích Pvmart sản lượng tăng 50% – 60%. Bên cạnh đó, công tác bán bảo hiểm Trách nhiệm dân sự ô tô – xe máy, PVOIL care, cho thuê quảng cáo cũng tiếp tục được đẩy mạnh hợp tác với các đơn vị trong ngành dầu khí.

- Về công tác cho thuê quảng cáo: Công ty đã triển khai ký hợp đồng cho thuê quảng cáo năm 2023 với Tổng công ty Điện lực Dầu khí (PVPower), Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR), Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM), Tổng công ty Khí Việt Nam (PVGas) và Tổng công ty Vận tải dầu khí (PVTrans). Bên cạnh đó, tích cực tìm kiếm cơ hội cho thuê quảng cáo, mặt bằng chưa sử dụng tại Kho và các CHXD trực thuộc, với doanh thu đạt 3 tỷ đồng.

4.2. Về công tác đầu tư, phát triển hệ thống

a. Về đầu tư hệ thống kho bể tồn chứa

Năm 2023, Công ty luôn chú trọng thực hiện tốt công tác quản lý giám sát, đảm bảo Kho Bắc Giang luôn được vận hành khai thác an toàn, hiệu quả. Công tác dịch vụ, phục vụ khách hàng tại Kho cũng ngày càng chuẩn hóa, chuyên nghiệp thông qua việc thực hiện tốt Đề án 808 về nâng cao chất lượng dịch vụ kho xăng dầu. Ngoài ra đơn vị cũng xây dựng phương án đầu tư mở rộng Kho nhằm phục vụ tốt hơn nữa yêu cầu của hoạt động SXKD.

b. Về phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu

HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo đơn vị tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư CHXD dưới mọi hình thức (đầu tư mới, mua lại, liên kết hợp tác...), đồng thời phân tích đánh giá kỹ từng cơ hội để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả các dự án. Kết quả thực hiện cả năm, đơn vị đã hoàn thành phát triển mới 04 CHXD: Phúc Ứng, Ngọc Linh, thuê ngoài CHXD Lê Duẩn và Nam Cường, hoàn thành công tác đầu tư phát triển 4/5 CHXD, đạt 80% kế hoạch bổ sung.

Bên cạnh đó, đơn vị cũng luôn chú trọng triển khai tốt Đề án 1114 về nâng cao chất lượng phục vụ tại các CHXD và được Tổng công ty đánh giá cao về chất lượng triển khai.

c. Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư mua sắm

Đơn vị đã hoàn thành đầu tư cải tạo sửa chữa và lắp đặt cột bơm mới cho một số CHXD góp phần thúc đẩy gia tăng sản lượng bán lẻ, đồng thời xây dựng phương án triển khai hiện đại hóa cột bơm toàn hệ thống; đầu tư mua sắm mới 01 xe văn phòng phục vụ hoạt động SXKD; phối hợp với Tổng công ty hoàn thành sửa chữa và đưa vào hoạt động các CHXD thuê lại của TCT và chuẩn bị triển khai công tác chuẩn bị cho một số dự án cải tạo sửa chữa khác trong hệ thống.

d. Về hoàn thiện thủ tục pháp lý CHXD

Đơn vị đã hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho CHXD Đoàn Kết, Thanh Bình, Nam Thành; chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản từ PVOIL Hà Giang sang PVOIL Hà Nội cho 18/19 tài sản (còn CHXD Minh Khai chưa hoàn thành); thực hiện công tác chuẩn bị hồ sơ để đăng ký tài sản trên đất CHXD Cao Ngạn, Tân Sơn.

4.3. Về công tác quản lý rủi ro và xử lý công nợ xấu

HĐQT luôn chú trọng tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo việc quản lý rủi ro, xử lý nợ xấu và ngăn chặn nợ quá hạn phát sinh. Trong giai đoạn vừa qua, Công ty

thường xuyên rà soát công nợ khách hàng bán buôn, bán lẻ có khả năng phát sinh rủi ro để kịp thời cảnh báo và có biện pháp phòng ngừa phù hợp, công nợ phải thu, công nợ phải trả đều đảm bảo đúng hạn mức phê duyệt và được Tổng công ty đánh giá cao.

4.4. Về công tác quản trị doanh nghiệp

Năm 2023, HĐQT đã tập trung chỉ đạo tốt công tác quản trị tại đơn vị, kết quả thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- HĐQT đã phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2023 của PVOIL Hà Nội, đồng thời chỉ đạo Ban điều hành triển khai giao kế hoạch đến từng đơn vị gắn liền với việc kiểm tra, giám sát nhằm hoàn thành tốt nhất chỉ tiêu, kế hoạch của toàn đơn vị.

- Đối với lĩnh vực công tác cán bộ, HĐQT tuân thủ đúng quy chế phối hợp với Đảng, quy chế phân cấp trong quản lý cán bộ, thực hiện rà soát đánh giá các cán bộ trong phạm vi phân cấp quản lý của HĐQT. HĐQT đã phê duyệt kế hoạch định biên lao động năm 2023 và ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của đơn vị. Công tác đào tạo nội bộ và bên ngoài cũng được HĐQT quan tâm, chỉ đạo sát sao nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đơn vị.

- Công tác quản trị chi phí: Ngay từ đầu năm 2023, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tiến hành rà soát, xây dựng lại kế hoạch chi phí và triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để tiết giảm chi phí.

- HĐQT chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục rà soát tổng thể để điều chỉnh bổ sung các văn bản quản lý phục vụ tốt nhất cho hoạt động SXKD.

- Chỉ đạo Ban điều hành quyết toán quỹ tiền lương của cán bộ quản lý và Người lao động PVOIL Hà Nội năm 2022; lựa chọn đơn vị kiểm toán và thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các thủ tục thành lập chi nhánh PVOIL Hà Nội tại Hải Dương đáp ứng yêu cầu mở rộng thị trường, phát triển hoạt động SXKD của đơn vị.

- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thành công các sự kiện của Công ty và tích cực phối hợp với các tổ chức đoàn thể tham gia Hội thao và Hội diễn văn nghệ chào mừng kỉ niệm 15 năm ngày thành lập PVOIL đạt nhiều thành tích cao.

4.6. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù đạt được những kết quả tích cực nhất định, song hoạt động SXKD năm 2023 của PVOIL Hà Nội cũng còn hạn chế về công tác đăng ký tài sản trên đất chuyển quyền sở hữu, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của một số CHXD do thủ tục hành chính về đất đai phức tạp.

4.7. Về phân chia lợi nhuận năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Giá trị
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 trước khi trích lập các quỹ tính đến hết 31/12/2023		14.299.314.495
2	Trích lập quỹ	46,0%	6.577.684.668
-	Quỹ khen thưởng	5,00%	714.965.725
-	Quỹ thưởng cán bộ quản lý (trương đương 1,5 tháng lương)	6,18%	883.224.000
-	Quỹ phúc lợi	27,82%	3.978.542.928
-	Quỹ đầu tư phát triển	7,0%	1.000.952.015
3	Lợi nhuận năm 2023 còn lại trước khi chia cổ tức (3=1-2)		7.721.629.827
4	Lợi nhuận còn lại năm 2022		1.221.045.708
5	Tổng lợi nhuận năm 2022 +2023 còn lại trước chi cổ tức		8.942.675.535
6	Chi cổ tức	3,00%	7.936.923.000
7	Lợi nhuận còn lại sau chi cổ tức (7=5-6)		1.005.752.535

PHẦN II ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA HĐQT

I. Dự báo đặc điểm tình hình năm 2024

Do ảnh hưởng của những bất ổn chính trị kéo dài, cơ quan tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm xuống 2,9% vào năm 2024. Bên cạnh đó, dựa trên những lo ngại kinh tế rộng hơn và xu hướng sử dụng xe điện ngày càng tăng cùng với các giải pháp tiết kiệm năng lượng khác, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) hạ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu sẽ tăng 880.000 thùng/ngày (bpd) vào năm 2024, giảm so với dự báo trước đó là 1 triệu thùng/ngày. Trong triển vọng năng lượng ngắn hạn tháng 10, cơ quan này đã tăng dự báo giá dầu thô Brent năm 2024 thêm 6,69 USD lên 94,91 USD/thùng và dự báo dầu thô WTI vào năm 2024 lên trung bình 90,91 USD/thùng, tăng 7,69 USD so với ước tính của tháng trước trong năm.

Trong bối cảnh tình hình thị trường xăng dầu thế giới vẫn còn tiếp tục diễn biến phức tạp, kéo theo nhiều khả năng giá thời gian tới vẫn biến động khó lường, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro đến sự ổn định kinh tế - xã hội cũng như tác động đến thị trường trong nước, việc mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn tăng về mức trần từ ngày 1/1/2024 sẽ gây ảnh hưởng nhất định đến tâm lý, đời sống sinh hoạt của người dân cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, chính phủ dự kiến sẽ tiếp tục giảm 50% thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu, mỡ nhờn kéo dài sang năm 2024. Do đó, Bộ Tài chính cho rằng cần phải có giải pháp để góp phần ổn định giá xăng dầu, ổn định kinh tế vĩ mô năm 2024, phấn đấu tăng trưởng GDP khoảng 6-6,5% năm 2024.

Tình hình thị trường xăng dầu trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, bất thường, khó dự đoán; Nghị định 80 ra đời có nhiều thay đổi trong việc điều hành thị trường xăng trong nước sẽ khiến cạnh tranh giữa các đầu mối xăng dầu sẽ ngày càng gay gắt, quyết liệt..., lợi thế sẽ thuộc với các đơn vị có nhiều điều kiện về cơ sở vật chất kinh doanh xăng dầu, vì vậy với nguồn lực nội tại còn hạn chế trong năm 2024 tình hình hoạt động của PVOIL Hà Nội sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức.

Trên cơ sở nhận định tình hình, để vượt qua khó khăn, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ, kế hoạch năm 2024, HĐQT Công ty định hướng kế hoạch hoạt động với các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 như sau:

1. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành, công tác phối hợp giữa các thành viên HĐQT. Thường xuyên giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024.

2. Nâng cao chất lượng phối hợp 3 bên giữa Đảng ủy – HĐQT – Ban điều hành nhằm phát huy tối đa sức mạnh tập thể, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong mọi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo; giải quyết nhanh chóng, kịp thời mọi đề xuất, kiến nghị của Ban điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất phát triển hoạt động SXKD của đơn vị.

3. Tiếp tục duy trì việc tổ chức định kỳ các cuộc họp HĐQT, tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban tháng/quý với Ban điều hành, kịp thời giám sát, nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và xây dựng các giải pháp định hướng, chỉ đạo Ban điều hành nâng cao hiệu quả SXKD nhằm hoàn thành tốt nhất mọi chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh năm 2024.

4. Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nâng cao tính chủ động, trách nhiệm, chất lượng quản lý và điều hành, tập trung mọi nguồn lực nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD toàn đơn, cụ thể như sau:

- Đối với công tác kinh doanh:

+ Xây dựng chính sách bán hàng của đơn vị phù hợp với chính sách chung của Tổng công ty và tình hình kinh doanh của đơn vị để đảm bảo kinh doanh an toàn, hiệu quả, tuân thủ các quy định của Tổng công ty, của Nhà nước về kinh doanh xăng dầu.

+ Tổ chức kinh doanh xăng dầu theo địa bàn được phân công, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Tổng công ty giao. Giữ ổn định thị phần và duy trì tốc độ phát triển sản lượng phù hợp với tăng trưởng chung của thị trường được phân công.

+ Đảm bảo ổn định sản lượng tiêu thụ, kinh doanh có hiệu quả và an toàn về vốn, sản lượng xăng dầu kế hoạch năm 2024 là 492.000 m³, trong đó nguồn hàng của TCT từ 95% -100%; tập trung phát triển các vùng thị trường được phân công theo hướng hiệu quả bền vững; tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối trong đó gia tăng tỷ trọng tiêu thụ trực tiếp với mục tiêu tỷ trọng bán lẻ và bán kênh khách hàng công nghiệp trên 45%; tích cực triển khai hoạt động bán hàng qua chương trình PVOIL Easy trong năm 2024, phấn đấu đạt kế hoạch sản lượng Tổng công ty giao (33.700m³).

+ Nâng cao sản lượng kinh doanh tại các chi nhánh, đồng thời khai thác tối đa hiệu quả kho xăng dầu Bắc Giang và hệ thống phương tiện vận tải xăng dầu nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng, tăng tính cạnh tranh và tiết giảm chi phí.

+ Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh dịch vụ phụ trợ tại các CHXD trực thuộc, đặc biệt chú trọng công tác chuẩn hóa và chuyên nghiệp trong quản lý và vận hành chuỗi Cửa hàng tiện ích PVMART, sẵn sàng cho kế hoạch lan tỏa rộng hơn nữa.

+ Giao kế hoạch SXKD năm 2024 của PVOIL Hà Nội với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023	TH 2023		KH 2024
				Giá trị	%TH/KH	
1	Sản lượng xăng dầu	M ³	405.000	526.851	130,0%	492.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	6.141,2	9.231,8	150,3%	7.594,6
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,0	21,14	151,0%	14,0

- Đối với công tác quản trị doanh nghiệp:

+ Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý của Công ty từ khối văn phòng đến các chi nhánh và CHXD trực thuộc.

+ Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác quản lý toàn diện mọi mặt hoạt động của các CHXD trực thuộc và Kho xăng dầu, thực hiện nghiêm túc các tiêu chí của Đề án 1114 về nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và Đề án 808 về đánh giá chất lượng dịch vụ Kho xăng dầu, nâng cao chất lượng phối hợp giữa các phòng chức năng và chi nhánh trong kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời mọi sai phạm phát sinh tại khối CHXD và Kho xăng dầu.

+ Nâng cao chất lượng công tác đào tạo và phát triển đội ngũ nguồn nhân lực, đẩy mạnh việc khoán lương và phân phối quỹ lương, quỹ thưởng theo kết quả thực hiện.

+ Hoàn thiện công tác rà soát tổng thể và sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quản lý nội bộ cho phù hợp với thực tiễn và phục vụ tốt nhất hoạt động quản lý điều hành tại đơn vị.

+ Ứng dụng hiệu quả hệ thống Công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, kinh doanh của đơn vị. Triển khai đồng bộ công tác viết hóa đơn điện tử tại các CHXD và xây dựng phương án chuyển đổi số trên toàn hệ thống.

+ Xây dựng các phương án huy động và sử dụng vốn cho đầu tư và kinh doanh tối ưu nhất, đồng thời tăng cường các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả SXKD của đơn vị trong năm 2024.

+ Nâng cao chất lượng báo cáo, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản trị và công tác xây dựng kế hoạch sát với thực tế.

+ Tiếp tục duy trì xây dựng hình ảnh thương hiệu PVOIL thông qua triển khai thực hiện quy ước văn hóa và tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

- Đối với công tác quản trị rủi ro: Tuyệt đối không để phát sinh nợ xấu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu. Nâng cao chất lượng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và

giám sát hoạt động kinh doanh tại các CHXD và Kho xăng dầu trong toàn hệ thống, đảm bảo hoạt động của các cửa hàng và Kho an toàn, hiệu quả.

- Đối với công tác đầu tư, phát triển hệ thống:

+ Tập trung toàn lực cho công tác phát triển hệ thống CHXD dưới nhiều hình thức với mục tiêu đầu tư phát triển mới ít nhất 03 CHXD tại các vùng thị trường trọng điểm là Hà Nội và các tỉnh lân cận, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của dự án

+ Triển khai một số dự án sửa chữa lớn trong hệ thống như sửa chữa Kho Bắc Giang, nâng cấp văn phòng Mai Lâm và sửa chữa các CHXD trong hệ thống như CHXD Hợp Minh, Minh Khai, Hoàng Mai, Diễn Châu.... nhằm đảm bảo mỹ quan, an toàn PCCC và góp phần nâng cao sản lượng bán lẻ.

+ Thực hiện đầu tư mua sắm cột bơm Tatsuno thay thế cho các CHXD trong hệ thống có sản lượng lớn.

+ Thường xuyên tiến hành rà soát, kiểm tra, duy tu trang thiết bị, cơ sở vật chất, đảm bảo an toàn PCCC, đáp ứng yêu cầu theo đề án 1114 và 808, phục vụ tốt nhất kinh doanh tại kho xăng dầu và hệ thống CHXD.

+ Bám sát các cơ quan chức năng để hoàn thiện dứt điểm công tác xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho CHXD và kho xăng dầu.

Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh khó khăn, Công ty quyết tâm đảm bảo giữ vững ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, hài hòa lợi ích của các cổ đông với mục tiêu phát triển Công ty an toàn - hiệu quả.

Trước những khó khăn, thách thức trong năm 2024, để hoàn thành kế hoạch được giao, HĐQT đề nghị tập thể người lao động Công ty hết sức nỗ lực, đoàn kết, thống nhất và phát huy sáng kiến phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 và các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đặt ra, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho tập thể người lao động và đem lại giá trị gia tăng cho các cổ đông của Công ty.

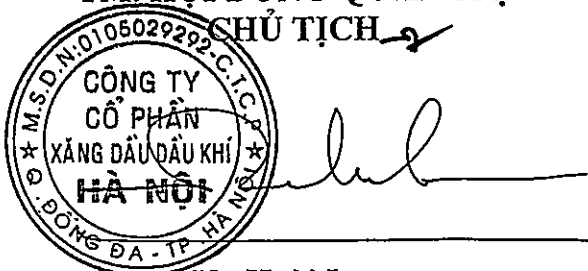
Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội. Rất mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.LTH.01b.

Wb

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY
CỔ PHẦN
XĂNG DẦU DẦU KHÍ
HÀ NỘI

Vũ Hoài Lam

Số: 104/XDHN-BC-BKS

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2024

**Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023
và tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (Công ty);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt ngày 31/01/2024 kiểm toán kết thúc năm tài chính 2023 (đính kèm);

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 và tờ trình phê duyệt đơn vị kiểm toán năm 2024 như sau:

I. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính và kỳ kế toán

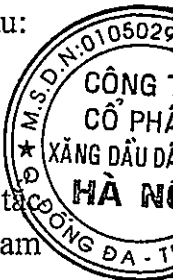
- Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam;

- Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động của Công ty từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023, biểu mẫu báo cáo thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 và hiệu lực từ 01/01/2015 thay thế cho Quyết định 15/BTC.

2. Tình hình tài sản và nguồn vốn năm 2023

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	NGÀY 31/12/2023	NGÀY 31/12/2022
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	424.365.010.213	434.849.065.663
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	58.453.511.414	60.514.133.784
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.650.000.000	3.900.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	293.647.828.586	334.915.299.847
4. Hàng tồn kho	65.359.355.397	31.986.457.386
5. Tài sản ngắn hạn khác	3.254.314.816	3.533.174.646



II. TÀI SẢN DÀI HẠN	255.015.874.543	259.968.087.700
1. Tài sản cố định	140.029.608.540	142.871.600.359
2. Bất động sản đầu tư	9.984.687.972	10.484.925.740
3. Tài sản dở dang dài hạn	8.842.587.805	10.006.227.189
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.693.459.510	2.833.184.640
5. Tài sản dài hạn khác	94.465.530.716	93.772.149.772
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	679.380.884.756	694.817.153.363
NGUỒN VỐN		
I. NỢ PHẢI TRẢ	374.933.761.320	395.037.483.500
1. Nợ ngắn hạn	374.933.761.320	392.491.893.485
2. Nợ dài hạn	0	2.545.590.015
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	304.447.123.436	299.779.669.863
1. Vốn góp của chủ sở hữu	264.564.100.000	264.564.100.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	24.362.663.233	24.362.663.233
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.520.360.203	10.852.906.630
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	679.380.884.756	694.817.153.363

3. Tình hình kết quả kinh doanh năm 2023

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.234.739.373.851	9.421.873.418.737
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2.930.504.277	1.616.294.666
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.231.808.869.574	9.420.257.124.071
4. Giá vốn hàng bán	8.943.862.895.485	9.199.403.924.282
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	287.945.974.089	220.853.199.789
6. Doanh thu hoạt động tài chính	9.373.474.506	7.846.326.073
7. Chi phí tài chính	1.251.548.212	878.906.305
- Trong đó: Chi phí lãi vay	111.823.082	186.897.169
8. Chi phí bán hàng	204.081.226.545	181.090.632.377
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	72.395.685.762	64.885.319.522
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	19.590.988.076	(18.155.332.342)
11. Thu nhập khác	2.687.735.226	34.571.374.053
12. Chi phí khác	1.140.625.345	235.855.567
13. Lợi nhuận khác	1.547.109.881	34.335.518.486
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.138.097.957	16.180.186.144
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.838.783.462	5.346.954.838
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.299.314.495	10.833.231.306
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	540	339

4. Công tác quản lý tài chính, sổ sách, chứng từ

- Số liệu kế toán rõ ràng minh bạch phù hợp với pháp luật về kế toán.

//S/ Y N U K I //H/

- Thực hiện tốt các chế độ báo cáo thống kê, kê khai quyết toán thuế.

5. Kiến nghị

Ban Kiểm soát đồng ý với các ghi nhận của Công ty kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Kiểm toán An Việt đối với Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty.

II. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có kinh nghiệm và uy tín về chất lượng kiểm toán.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

3. Kiến nghị

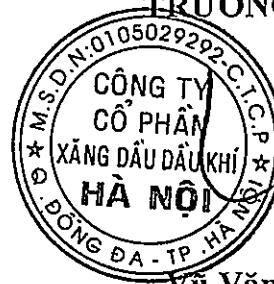
Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn Công ty kiểm toán độc lập và giao cho Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét các BCTC năm 2024 của Công ty.

Trân trọng.

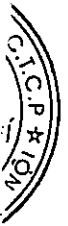
Nơi nhận:

- ĐHCĐ (để b/c);
- HĐQT, Ban GD (để p/h t/h);
- Lưu: VT, BKS, VVN.01b.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Vũ Văn Nghị



Số: 104/BC-BKS

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO
Về việc hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023
và kế hoạch hoạt động năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội,

Ban kiểm soát PVOIL Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát năm 2023, tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên và kế hoạch hoạt động năm 2024 như sau:

PHẦN 1

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

I. Tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên năm 2023

1. Cơ cấu tổ chức, tiền lương, thù lao

Ban kiểm soát của PVOIL Hà Nội gồm 3 thành viên:

- Ông Vũ Văn Nghị - Trưởng ban
- Ông Đặng Tùng Sơn - Thành viên
- Bà Trần Thị Bích Ngọc - Thành viên

Trưởng Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 Kiểm soát viên hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm. Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty, các Kiểm soát viên kiêm nhiệm nhận thù lao theo mức được HĐQT phê duyệt hằng năm.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2023, được sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty; Ban Kiểm soát Công ty đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động của Ban, cụ thể là:

- Kiểm soát việc thực hiện Điều lệ Công ty, Nghị quyết HĐQT thường niên năm 2023 của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty; kiểm soát tính tuân thủ các

quy định của Nhà nước; quy định, quy chế nội bộ của Công ty tại các Phòng/Chi nhánh thuộc, các CHXD, Kho trực thuộc Công ty;

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty;

- Ban Kiểm soát Công ty đã triển khai thực hiện các công việc theo đúng kế hoạch đã trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;

- Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty về công tác quản trị và điều hành Công ty. Đề xuất, kiến nghị với Ban điều hành các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro trong công tác quản lý tài chính, quản lý hàng hóa...

- Thảo luận với Công ty TNHH Kiểm toán An Việt để thống nhất kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số. Các báo cáo về kết quả giám sát, kiểm tra hoạt động Công ty và các kiến nghị của BKS đối với HĐQT và Ban Điều hành đều được các thành viên BKS trao đổi, thảo luận và thống nhất.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của BKS được qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua, Trưởng BKS đã phân công nhiệm vụ cho mỗi kiểm soát viên để đảm bảo hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát tự đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, cụ thể:

3.1. Ông Vũ Văn Nghị - Trưởng Ban Kiểm soát

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, Quy chế, quy định, chỉ thị của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc.

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính hàng Quý/năm.

- Thực hiện giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, việc thực hiện chính sách bán hàng, công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý hàng hóa đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước, Tổng công ty và Công ty, phát hiện và cảnh báo các rủi ro tiềm ẩn.

3.2. Ông Đặng Tùng Sơn và bà Trần Thị Bích Ngọc – Kiểm soát viên

- Phối hợp Trưởng ban kiểm soát trong việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, Quy chế, quy định.

- Phối hợp Trưởng ban kiểm soát giám sát tình hình thực hiện chính sách bán hàng, công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tham gia đóng góp ý kiến, kiến nghị tới Hội đồng quản trị, Ban giám đốc thông qua Trưởng ban kiểm soát.

II. Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2023 của Ban kiểm soát

1. Đối với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc

1.1. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị

- HĐQT định hướng phát triển Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định về chủ trương chính sách về các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng thời điểm, từng giai đoạn. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đúng thẩm quyền theo Điều lệ công ty, phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Trong năm, HĐQT đã ban hành và sửa đổi bổ sung các Quy chế, Quy định cho phù hợp với yêu cầu và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh. Nội dung các quy chế, quy định do HĐQT ban hành là cụ thể hóa các quy định của Nhà nước theo điều kiện thực tế và đặc thù của đơn vị, tạo hành lang pháp lý cho các lĩnh vực và hoạt động của Công ty.

- HĐQT định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT tại các cuộc họp giao ban hàng tháng/quý của Công ty.

- HĐQT giám sát hoạt động của Công ty thông qua công tác kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ thực hiện của Ban điều hành đối với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy chế, quy định của Công ty.

1.2. Công tác điều hành của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty tuân thủ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tuân thủ các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ các qui định của Nhà nước, quy chế, quy định của Tổng công ty và Công ty.

- Ban Giám đốc thực hiện công tác điều hành theo đúng thẩm quyền và phân cấp, tuân thủ quy chế điều hành và quy chế phối hợp HĐQT - Giám đốc.

- Trong năm 2023, Giám đốc Công ty đã xây dựng và ban hành sửa đổi bổ sung các quy định, quy trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời sửa đổi bổ sung một số các quy định quy trình cho phù hợp điều kiện thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với yêu cầu quản lý và điều hành công ty, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành ổn định và an toàn.

- Hoạt động điều hành của Ban Giám đốc luôn bám sát các mục tiêu, kế hoạch được phê duyệt, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

2.1. Các chỉ tiêu sản lượng bán xăng dầu

STT	Kênh BH	ĐVT	KH 2023		TH 2023		TH/ KH 2023
			Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	
1	TNPP/TNNQ/ĐL	m ³ /tấn	200.000	49,4%	304.645	57,8%	152,3%
2	KHCN và mua bán	m ³ /tấn	102.000	25,2%	109.716	20,8%	107,6%
3	CHXD	m ³ /tấn	103.000	25,4%	112.490	21,4%	109,2%
Tổng cộng		m³/tấn	405.000	100%	526.851	100,0%	130,0%

2.2. Các chỉ tiêu tài chính

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
- Doanh thu	6.141,2	9.231,8	150,3%
- Chi phí hoạt động	200,7	276,5	137,7%
- Chi phí KDXD đồng/lít	480	517,35	107,8%
- Lợi nhuận trước thuế	14,0	21,14	151,0%

3. Tình hình thực hiện đầu tư

3.1. Đầu tư phát triển hệ thống CHXD

- Trong năm 2023, Công ty đã rất tích cực đi khảo sát các cơ hội đầu tư tại Hòa Bình, Bắc Giang, Hải Dương, Lào Cai, Nghệ An, Quảng Ninh...: Phát triển mới 04 CHXD: Phúc Ứng, Ngọc Linh, và thuê ngoài CHXD Lê Duẩn, Nam Cường.

- Bên cạnh đó công ty cũng vẫn tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư tại các thị trường được phân công, làm tốt công tác khảo sát, phân tích dữ liệu để đảm bảo tính khả thi của các dự án khi được triển khai.

3.2. Đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa CHXD

- PVOIL Hà Nội đã phối hợp chặt chẽ với TCT thực hiện sửa lớn 5 CHXD An Hải, Mai Lâm, Nam Thành, Mỹ Thuận, Tân Thịnh đúng kế hoạch;

- Hoàn thành việc sửa chữa CHXD Liên Ninh, Lập Thạch, Yên Phú.

- Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và đang khẩn trương thực hiện thi công dự án mở rộng và nâng cấp CHXD Hợp Minh phù hợp với quy hoạch mới sau khi được HĐQT phê duyệt, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình. Phần đầu hoàn thành và đưa vào hoạt động trước Tết nguyên đán.

- Lên phương án cải tạo, sửa chữa và thực hiện nâng cấp một số CHXD, đảm bảo mỹ quan, phục vụ tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của các cửa hàng và quảng bá hình ảnh thương hiệu PVOIL trên thị trường.

3.3. Công tác mua sắm máy móc, trang thiết bị

- Hoàn thành dự án cải tạo sửa chữa, lắp đặt cột bơm mới cho một số CHXD trong hệ thống (Phù Lỗ, Nghĩa Tân, Phúc Hòa, Hợp Minh...) góp phần thúc đẩy gia tăng sản lượng bán lẻ.

- Thực hiện việc rà soát và đánh giá hiện trạng hệ thống cột bơm của các CHXD để tiến hành đầu tư bổ sung cột bơm, đảm bảo yêu cầu kinh doanh (ưu tiên các CHXD có sản lượng lớn, kinh doanh hiệu quả). Xây dựng phương án triển khai hiện đại hóa cột bơm trên toàn hệ thống.

- Hoàn thành đầu tư thêm 01 xe văn phòng phục vụ hoạt động kinh doanh.

- Phối hợp với đối tác Vinfast hoàn thành việc lắp đặt hệ thống trạm sạc điện tại các CHXD đối tác Vinfast lựa chọn trong năm 2023.

3.4. Công tác hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý các CHXD

- Hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho CHXD Đoàn Kết, Thanh Bình, Nam Thành.

- Hoàn thành việc chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản từ PVOIL Hà Giang sang PVOIL Hà Nội cho 18/19 tài sản (còn CHXD Minh Khai chưa hoàn thành).

- Thực hiện công tác chuẩn bị hồ sơ để đăng ký tài sản trên đất CHXD Cao Ngạn, Tân Sơn.

4. Công tác tổ chức quản lý

- Công ty đi với hệ thống tổ chức hoạt động gồm Văn phòng Công ty và các Chi nhánh trực thuộc tại các tỉnh thành. Bộ máy của các Chi nhánh chủ yếu do cán bộ khối Văn phòng Công ty kiêm nhiệm để không tăng nhân sự, tiết kiệm chi phí, tại một số thị trường tiềm năng thì có Giám đốc chi nhánh và cán bộ kinh doanh chuyên trách để khai thác mở rộng thị trường (Đông Hà Nội, Hòa Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hà Giang).

- Triển khai các giải pháp nhằm củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng gọn nhẹ, nâng cao hiệu quả quản lý, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, xây dựng quy trình nghiệp vụ đồng thời bổ sung, nâng cấp các giải pháp công nghệ thông tin vào trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty để nâng cao hiệu quả công việc.

- Công ty đã xây dựng và ban hành được hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý, điều hành của Công ty, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh, nâng cao hiệu quả và an toàn trong quản lý sử dụng vốn và tài sản của Công ty.

- Công ty thường xuyên tiến hành rà soát, sửa đổi bổ sung và xây dựng mới các quy chế, quy định phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu quản lý.

- Công ty đã thành lập đoàn kiểm tra nội bộ định kỳ, đột xuất để thực hiện kiểm tra hoạt động của các Chi nhánh/CHXD/Kho.

5. Công tác quản lý tài chính

- Công ty kiểm soát tốt việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản; tuân thủ các quy định của Công ty và Tổng công ty về quản lý tài chính.

- Công ty đã ban hành QĐ số 1281/QĐ-XDHN ngày 08/06/2020 về việc “Quy định về bán hàng và quản lý công nợ” và QĐ số 3139/QĐ-XDHN ngày 29/12/2020 và 2769/QĐ-XDHN ngày 14/09/2022 về việc thành lập Hội đồng xét quyết và Tổ giúp việc “Công tác bán hàng và quản lý nợ tín chấp”. Công ty đã thực nghiêm túc việc thẩm định và cấp hạn mức nợ có bảo lãnh ngân hàng và nợ tín chấp năm 2023 cho khách hàng (cả về thời gian và giá trị) trước khi bán hàng, không để phát sinh khoản nợ xấu nào trong năm 2023. Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2023 là 4.600.532.351 đồng và đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 4.267.730.862 đồng.

50
NG
PI
AU
A -

- Công ty thực hiện tốt việc quản trị nguồn vốn và dòng tiền, không bị chiếm dụng vốn.

6. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban Giám đốc

- Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành nên nắm bắt được kịp thời và đầy đủ mọi thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận và nắm bắt được tất cả các hoạt động của Công ty.

III. Kiến nghị

1. Hoạt động quản lý, điều hành

HĐQT và Ban Giám đốc phối hợp tốt, tuân thủ quy chế về Người đại diện phần vốn của Tổng công ty, quy chế làm việc và phối hợp giữa HĐQT - Giám đốc, quy chế phân cấp đầu tư của Công ty, đạt được những hiệu quả tích cực. Đề nghị HĐQT - Ban Giám đốc tiếp tục phát huy tinh thần cởi mở, tích cực trong công tác phối hợp, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong quản lý và điều hành Công ty.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đề nghị HĐQT – Ban Giám đốc Công ty tập trung nguồn lực phát triển hệ thống CHXD bằng nhiều hình thức. Áp dụng các biện pháp, chính sách dài hạn, ngắn hạn để gia tăng sản lượng tại các CHXD hiện hữu (nâng cấp sửa chữa, chính sách giá, công nợ, ...), đồng thời tiết giảm chi phí góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.;

- Tiếp tục thực hiện các chính sách để chuyển dịch cơ cấu khách hàng theo hướng giảm phụ thuộc vào nhóm khách hàng trung gian (TNPP/TNNQBL); đẩy mạnh phát triển hệ thống KHCN/ Khách hàng tiêu thụ trực tiếp/CHXD;

- Khảo sát đánh giá nhu cầu tiêu thụ hàng hóa và năng lực tài chính của khách hàng để phê duyệt chính sách giá, hình thức thanh toán cụ thể và phù hợp. Tổ chức đánh giá sản lượng thực hiện thực tế của từng khách hàng, điều chỉnh hạn mức công nợ phù hợp với sản lượng thực tế;

- Phối hợp chặt chẽ với các công ty trực thuộc PVOIL để thống nhất chính sách bán hàng, hạn chế tối đa việc cạnh tranh nội bộ gây thiệt hại không đáng có trong kinh doanh.

3. Hoạt động đầu tư, phát triển hệ thống

- Đa dạng hóa các hình thức phát triển hệ thống CHXD: mua, thuê, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh... để tăng số lượng CHXD, nâng cao hiệu quả kinh doanh;

- Công ty tập trung sớm hoàn tất các hồ sơ thủ tục pháp lý để giảm thiểu rủi ro phát sinh liên quan đến quyền sở hữu đất và tài sản/công trình trên đất.

4. Công tác tổ chức

- Đề nghị thường xuyên kiểm tra, rà soát việc thực hiện các quy định, quy trình, quy chế của Công ty, sửa đổi bổ sung đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý và kinh doanh xăng dầu;

- Tổ chức bộ phận tiếp nhận phản hồi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả, việc thực hiện của các quy chế, quy định, quy trình để có những sửa đổi bổ sung hoặc điều chỉnh cho phù hợp.

5. Công tác quản lý tài chính

- Tăng cường kiểm soát đối với công tác quản lý nợ phải thu, đảm bảo không phát sinh nợ vượt hạn mức và nợ vượt thời gian.

- Công ty cần duy trì liên tục ký đối chiếu xác nhận công nợ, soát xét hoàn thiện đầy đủ hồ sơ tài liệu đối với từng khách hàng có nợ phải thu khó để làm cơ sở trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo qui định hiện hành và khởi kiện (nếu có).

- Sử dụng dòng tiền của Công ty linh hoạt và hiệu quả hơn nữa.

PHẦN 2 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Nội dung	Thời gian	Đơn vị phối hợp
I. Giám sát hoạt động quản lý và điều hành		
- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
- Giám sát việc tuân thủ các quy trình quy chế của Công ty, Tổng công ty và các quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
- Giám sát việc chấp hành của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
- Giám sát việc tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện các quyết định, ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
II. Giám sát hoạt động đầu tư phát triển hệ thống		
- Giám sát công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới CHXD. Giám sát tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác, giám sát quyết toán từng công trình	Theo tiến độ thực tế	Phòng KHĐT
- Giám sát việc tổ chức thẩm định giá, đàm phán giá chuyển nhượng, giám sát thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khi mua lại các CHXD	Theo tiến độ thực tế	Phòng KHĐT
III. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh		

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Hà Nội, tháng 01 năm 2024

Scanned with CamScanner

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") lập và trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

- Ông Vũ Hoài Lam	Chủ tịch
- Ông Trần Mạnh Hà	Thành viên, Giám đốc
- Ông Hoàng Minh Thái	Thành viên
- Ông Đỗ Khắc Cường	Thành viên
- Ông Đào Xuân Hữu	Thành viên chuyên trách
- Ông Đào Đại Thắng	Phó Giám đốc
- Ông Trần Việt Hùng	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Giám đốc
- Bà Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc

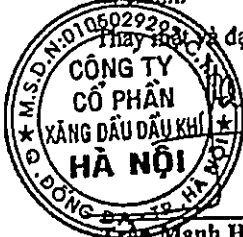
Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Mạnh Hà
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Số: 14/2024/ BCKT-AVI-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31/01/2024, từ trang 4 đến trang 31 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã được phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Dương
Phó Tổng giám Đốc
Số Giấy CNĐKHNKT 0387-2023-055-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Phạm Thị Liên
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHNKT 2507-2023-055-1

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		424.365.010.213	434.849.065.663
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		58.453.511.414	60.514.133.784
1. Tiền	111	5	58.453.511.414	60.514.133.784
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.650.000.000	3.900.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	3.650.000.000	3.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		293.647.828.586	334.915.299.847
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	280.276.356.048	332.213.046.880
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.678.890.232	2.923.207.359
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.960.313.168	3.033.974.785
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.267.730.862)	(3.254.929.177)
IV. Hàng tồn kho	140	9	65.359.355.397	31.986.457.386
1. Hàng tồn kho	141		66.632.098.253	33.378.594.487
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.272.742.856)	(1.392.137.101)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.254.314.816	3.533.174.646
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.194.766.052	3.505.770.923
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.548.764	27.403.723
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		255.015.874.543	259.968.087.700
I. Tài sản cố định	220		140.029.608.540	142.871.600.359
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	103.675.562.692	106.028.997.379
- Nguyên giá	222		234.711.131.359	224.312.748.492
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.035.568.667)	(118.283.751.113)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	36.354.045.848	36.842.602.980
- Nguyên giá	228		48.435.445.841	47.835.510.124
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.081.399.993)	(10.992.907.144)
II. Bất động sản đầu tư	230	14	9.984.687.972	10.484.925.740
- Nguyên giá	231		12.857.699.499	12.857.699.499
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(2.873.011.527)	(2.372.773.759)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.842.587.805	10.006.227.189
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	8.842.587.805	10.006.227.189
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	1.693.459.510	2.833.184.640
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.954.128.000	7.954.128.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.260.668.490)	(5.120.943.360)
V. Tài sản dài hạn khác	260		94.465.530.716	93.772.149.772
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	94.465.530.716	93.772.149.772
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		679.380.884.756	694.817.153.363

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang số 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số 01 - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		374.933.761.320	395.037.483.500
I. Nợ ngắn hạn	310		374.933.761.320	392.491.893.485
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	192.110.079.550	261.506.079.266
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.956.673.433	7.263.902.097
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	79.401.621.874	37.596.024.997
4. Phải trả người lao động	314		28.755.693.471	25.937.142.744
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.128.000.005	984.831.189
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.765.957.977	1.998.725.003
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	61.912.491.337	54.127.097.777
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.903.243.673	3.078.090.412
II. Nợ dài hạn	330		-	2.545.590.015
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	-	2.545.590.015
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		304.447.123.436	299.779.669.863
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	304.447.123.436	299.779.669.863
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		264.564.100.000	264.564.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		264.564.100.000	264.564.100.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.362.663.233	24.362.663.233
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.520.360.203	10.852.906.630
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.221.045.708	253.459.324
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.299.314.495	10.599.447.306
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		679.380.884.756	694.817.153.363

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Lê Đức Dân



Trần Mạnh Hà

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang số 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0105029292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/2010. Đăng kí thay đổi lần thứ 12, ngày 29/12/2021. Tên giao dịch Quốc tế của Công ty là PETROVIETNAM OIL HANOI JOINT STOCK COMPANY viết tắt là PVOIL HANOI.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 264.564.100.000 đồng. Trong đó:

- Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP góp 190.071.070.000 đồng, chiếm 71,84% vốn điều lệ;
- Ngân hàng Thương mại TNHH Đại Dương góp 27.500.000.000 đồng chiếm 10,39% vốn điều lệ
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á góp 7.500.000.000 đồng chiếm 2,83% vốn điều lệ
- Các cổ đông khác góp 39.493.030.000 đồng chiếm 14,93 % vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại số 194 Phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 437 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 416 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, đường thủy, bến cảng, các hệ thống bồn chứa xăng dầu và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê, đường hầm, công trình thể thao ngoài trời;
- Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Môi giới và xúc tiến thương mại;
- Đại lý mua, bán ký gửi hàng hóa;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải;
- Dịch vụ lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách đường sắt, đường thủy và đường bộ;
- Lắp đặt máy móc thiết bị;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Khai thác dầu thô;
- Bán lẻ, bán buôn xăng dầu;
- Dịch vụ xăng dầu bao gồm: dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu, dịch vụ vận tải xăng dầu;
- Kinh doanh xăng dầu: xuất khẩu (xăng dầu, nguyên liệu sản xuất trong nước và xăng dầu, nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu), nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, sản xuất, pha chế xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; sản phẩm cho ngành hóa dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường, cồn trắng, varolin, sáp paraphin, nhớt, bánh dầu, sản phẩm dầu mỡ tinh chế.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty không có công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh) của Công ty như sau:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hòa Bình;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Phú Thọ;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Lào Cai;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Quảng Ninh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Nghệ An;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Bắc Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Bắc Kạn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Thái Nguyên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hưng Yên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Yên Bái;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Tuyên Quang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Vĩnh Phúc;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Ninh Bình;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Nam Định;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hải Phòng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hà Giang;
- Chi nhánh Đông Hà Nội - Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hải Dương.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh được

Các thông tin và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đảm bảo khả năng so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Mức khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4.7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế, phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 10 năm.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất, công cụ dụng cụ, chi phí thuê cửa hàng được phân bổ dần vào chi phí, chi phí sửa chữa cửa hàng xăng dầu. Giá trị lợi thế vị trí địa lý các lô đất được phân bổ dần vào chi phí tương ứng với thời gian thuê còn lại của các lô đất kể từ khi nhận tài sản góp vốn của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP. Giá trị công cụ dụng cụ được phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định thể hiện số tiền thuê đã trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.10. Quyết toán quỹ tiền lương và các khoản trích theo lương

Công ty đang thực hiện trích quỹ tiền lương theo hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và các hướng hướng dẫn của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP. Trong năm, Công ty thực hiện trích quỹ tiền lương 78,97 tỷ đồng. Quỹ tiền lương của Công ty sẽ được quyết toán khi nhận được phê duyệt chính thức của Tổng công ty Dầu Việt Nam.

4.11. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4.12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.14. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

Trong năm, Công ty ghi nhận thu nhập khác đối với các khoản hỗ trợ tạo nguồn từ Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP

4.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc các khoản nợ phải thu trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.17. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chỉ phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 30.

4.16. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phần bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

5. TIỀN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	3.246.145.758	3.393.160.393
Tiền gửi ngân hàng	53.263.942.104	56.604.954.311
Tiền đang chuyển	1.943.423.552	516.019.080
Cộng	58.453.511.414	60.514.133.784

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Số dư khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 3,65 tỷ đồng là khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tiền gửi số 350/2023/000018/HDTG ngày 07/9/2023 có thời hạn 12 tháng, lãi suất 5,2%/năm. Khoản tiền gửi này chưa thể thanh khoản do OceanBank đang thực hiện tái cơ cấu theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ban giám đốc Công ty tin tưởng rằng khoản tiền nói trên sẽ được thanh khoản trong tương lai khi sau khi hoàn hành công tác tái cơ cấu.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ Phần E95	-	163.998.330
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	501.600.000	501.600.000
Nguyễn Văn Hà	513.562.262	513.562.262
Phải thu khác	5.093.163.459	448.022.653
Tạm ứng	851.987.447	1.406.791.540
Cộng	6.960.313.168	3.033.974.785
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan(*)</i>	<i>501.600.000</i>	<i>501.600.000</i>

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 30.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Xây dựng Công nghiệp Mỏ - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	77.814.446.892	75.679.267.974
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xi nghiệp Vật tư Hòa Hải	35.510.456.395	124.364.484.210
Công ty TNHH MTV Logistics Vlettel	24.397.594.760	18.006.405.285
Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sơn Quyền - VIMICO	14.023.981.428	5.631.605.318
Công ty Cổ phần Đại Đồng Xuân	9.675.379.055	4.985.862.485
Công ty Cổ phần Giao hàng tiết kiệm	9.395.485.636	9.001.494.850
Tổng công ty Đường Sắt Việt Nam (XN Dầu máy Vinh)	8.908.594.905	6.343.090.775
Công ty TNHH Tân Bình	5.085.805.370	4.727.573.052
Các khoản phải thu khách hàng khác	95.464.611.607	83.473.262.931
Cộng	280.276.356.048	332.213.046.880
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (*)</i>	<i>5.504.512.340</i>	<i>4.508.022.756</i>

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 30.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Xăng A95	21.896.569.467	(450.633.605)	8.303.732.412	(215.978.036)
Xăng E5	19.494.349.932	(427.311.482)	9.290.068.273	(159.176.531)
Dầu Do 0.5%S	20.415.193.733	(394.797.769)	11.443.211.203	(1.016.982.534)
Dầu mỡ nhờn	3.431.485.442	-	3.397.792.984	-
Chi phí thu mua	152.255.033	-	45.980.894	-
Hàng hóa khác	100.421.643	-	104.693.033	-
Hàng hóa PV Mart	1.064.910.645	-	716.203.330	-
Công cụ dụng cụ	76.912.358	-	76.912.358	-
Cộng	66.632.098.253	(1.272.742.856)	33.378.594.487	(1.392.137.101)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.194.766.052	3.505.770.923
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	3.194.766.052	3.505.770.923
b) Dài hạn	94.465.530.716	93.772.149.772
Giá trị lợi thế vị trí địa lý	64.346.070.863	75.192.309.039
Chi phí trả trước dài hạn khác	30.119.459.853	18.579.840.733
Cộng	97.660.296.768	97.277.920.695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuật ngữ này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị		Tài sản cố định		Cộng
	vật kiến trúc		thiết bị		thiết bị truyền dẫn		dụng cụ quản lý		khác		
	VND		VND		VND		VND		VND		VND
Nguyên giá											
Tại 01/01/2023	134.479.628.150	31.225.328.443	50.241.989.298	7.299.749.454	1.066.053.147	224.312.748.492					
Mua trong năm	3.831.571.499	1.622.117.945	5.691.982.357	1.353.710.276	-	12.499.381.977					
Thanh lý, nhượng bán	(2.100.999.110)	-	-	-	-	(2.100.999.110)					
Tại 31/12/2023	136.210.200.539	32.847.446.288	55.933.971.655	8.653.459.730	1.066.053.147	234.711.131.359					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại 01/01/2023	60.674.864.110	19.278.932.014	31.102.560.525	6.670.046.344	557.348.120	118.283.751.113					
Khấu hao trong năm	7.393.684.097	1.891.991.533	4.067.243.586	510.491.873	63.096.912	13.926.508.001					
Thanh lý, nhượng bán	(1.174.690.447)	-	-	-	-	(1.174.690.447)					
Tại 31/12/2023	66.893.857.760	21.170.923.547	35.169.804.111	7.180.538.217	620.445.032	131.035.568.667					
Giá trị còn lại											
Tại 01/01/2023	73.804.764.040	11.946.396.429	19.139.428.773	629.703.110	508.705.027	186.028.997.379					
Tại 31/12/2023	69.316.342.779	11.676.522.741	20.764.167.544	1.472.921.513	445.608.115	103.675.562.692					

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 56.205.098.679 đồng (tại 31/12/2022 là 42.483.707.092 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ 09-DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Bản quyền, bằng sáng chế		Chương trình phần mềm		Tài sản cố định vô hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Tại 01/01/2023	43.321.026.688	90.000.000	3.393.320.718	1.031.162.718	47.835.510.124				599.935.717
Mua trong năm	-	599.935.717	-	-	-				
Tại 31/12/2023	43.321.026.688	689.935.717	3.393.320.718	1.031.162.718	48.435.445.841				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Tại 01/01/2023	7.417.487.665	90.000.000	2.709.610.521	775.808.958	10.992.907.144				
Khấu hao trong năm	669.322.860	43.543.721	321.499.992	54.126.276	1.088.492.849				
Tại 31/12/2023	8.086.810.525	133.543.721	3.031.110.513	829.935.234	12.081.399.993				
Giá trị còn lại									
Tại 01/01/2023	35.903.539.023	-	683.710.197	255.353.760	36.842.602.980				
Tại 31/12/2023	35.234.216.163	556.391.996	362.210.205	201.227.484	36.354.045.848				

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 2.915.720.718 và đồng (tại 31/12/2022 là 2.915.720.718 đồng)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tổng công ty Thương mại Ky thuật	7.954.128.000	(6.260.668.490)	1.693.459.510	7.954.128.000
Đầu tư (PETEC)				(5.120.943.360)
Cộng	7.954.128.000	(6.260.668.490)	1.693.459.510	2.833.184.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng VND	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	10.749.344.717	2.108.354.782	12.857.699.499
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	<u>10.749.344.717</u>	<u>2.108.354.782</u>	<u>12.857.699.499</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	1.715.470.227	657.303.532	2.372.773.759
Tăng trong năm	106.095.152	394.142.616	500.237.768
Tăng trong năm	106.095.152	394.142.616	500.237.768
Tại ngày 31/12/2023	<u>1.821.565.379</u>	<u>1.051.446.148</u>	<u>2.873.011.527</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	<u>9.033.874.490</u>	<u>1.451.051.250</u>	<u>10.484.925.740</u>
Tại ngày 31/12/2023	<u>8.927.779.338</u>	<u>1.056.908.634</u>	<u>9.984.687.972</u>

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Mua sắm tài sản	111.111.112	1.245.454.545
Xây dựng cơ bản	8.579.288.141	8.486.834.859
Sửa chữa lớn TSCĐ	152.188.552	273.937.785
Cộng	<u>8.842.587.805</u>	<u>10.006.227.189</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	114.170.466.642	169.093.078.244
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	36.992.972.590	36.833.452.650
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	8.902.209.452	15.268.711.988
CN Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL Miền Bắc	7.316.600.008	11.995.938.231
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	6.560.447.606	11.332.527.446
Các đối tượng khác	18.167.383.252	16.982.370.707
Cộng	<u>192.110.079.550</u>	<u>261.506.079.266</u>
Trong đó:		
Phải trả khách hàng là các bên liên quan (*)	176.880.974.100	251.001.460.862

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 30.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Rủi ro phải trả về thiệt hại môi trường	-	2.545.590.015
Cộng	-	2.545.590.015

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	151.602.530	146.003.928
Các khoản bảo hiểm	10.019.028	1.693.256
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.931.000.000	5.332.439.998
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí PVOIL Miền Trung	8.095.825.783	7.774.394.590
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	6.220.989.158	4.632.613.769
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	5.869.664.725	4.317.324.750
Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Sài Gòn	4.659.740.520	4.330.257.763
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	1.951.149.030	84.888.039
Phải trả khác	31.022.500.563	27.507.481.684
Cộng	<u>61.912.491.337</u>	<u>54.127.097.777</u>
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan(*)	54.965.965.127	45.560.057.686

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 30.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

MÃ SỐ B09 - DN

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Phát sinh trong năm		31/12/2023	
	VND	VND	Phải nộp	VND	Đã nộp	VND
Thuế Giá trị gia tăng	6.752.267.845	84.460.084.311	80.057.400.954	11.154.951.202		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.365.061.263	6.838.783.462	5.954.943.093	2.248.901.632		
Thuế thu nhập cá nhân	201.386.571	1.933.756.836	1.871.141.453	264.001.954		
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	3.264.491.260	3.264.491.260	-		
Thuế môn bài	-	62.000.000	62.000.000	-		
Thuế bảo vệ môi trường	29.277.309.318	726.879.928.485	690.423.470.717	65.733.767.086		
Cộng	37.596.024.997	823.439.044.354	781.633.447.477	79.401.621.874		

Trong đó :

- Số thuế phải nộp

- Số thuế phải thu

37.596.024.997

79.401.621.874



CÔNG TY CỔ PHẦN XANG DẦU ĐẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	250.000.000.000	15.941.718.932	11.568.124.778	277.509.843.710
Lãi trong năm	-	-	10.833.231.306	10.833.231.306
Phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	(5.686.765.383)	(5.686.765.383)
+ <i>Quy khen thưởng</i>	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
+ <i>Quy phúc lợi</i>	-	-	(4.312.845.383)	(4.312.845.383)
+ <i>Quy thưởng ban quản lý điều hành công ty</i>	-	-	(673.920.000)	(673.920.000)
Tăng do sáp nhập PVOIL Hà Giang	14.564.100.000	8.420.944.301	(336.618.071)	22.648.426.230
Trích trước phần cổ tức năm 2021 phải trả theo Nghị quyết 929/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2022	-	-	(5.291.282.000)	(5.291.282.000)
Giảm khác	-	-	(233.784.000)	(233.784.000)
Tại ngày 01/01/2023	264.564.100.000	24.362.663.233	10.852.906.630	299.779.669.863
Lãi trong năm	-	-	14.299.314.495	14.299.314.495
Phân phối lợi nhuận năm	-	-	(4.172.578.922)	(4.172.578.922)
+ <i>Quy khen thưởng</i>	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
+ <i>Quy phúc lợi</i>	-	-	(2.656.538.922)	(2.656.538.922)
+ <i>Quy thưởng ban quản lý điều hành công ty</i>	-	-	(716.040.000)	(716.040.000)
Chỉ trả cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết 1180/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2023	-	-	(5.291.282.000)	(5.291.282.000)
Giảm khác	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
Tại 31/12/2023	264.564.100.000	24.362.663.233	15.520.360.203	304.447.123.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn góp tại 31/12/2023		Vốn góp tại 01/01/2023	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	190.071.070.000	71,84%	190.071.070.000	71,84%
Ngân hàng Thương mại TNHH Đại Dương	27.500.000.000	10,39%	27.500.000.000	10,39%
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	7.500.000.000	2,83%	7.500.000.000	2,83%
Các cổ đông khác	39.493.030.000	14,93%	39.493.030.000	14,93%
Cộng	264.564.100.000	100%	264.564.100.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Số lượng (cổ phiếu)	26.456.410	26.456.410
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	264.564.100.000	264.564.100.000
Cộng	264.590.566.410	264.590.566.410

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		31/12/2023	01/01/2023
1. Hàng hóa nhận giữ hộ của khách hàng			
- Xăng A95	Lít	408.394	287.532
- Dầu DO	Lít	1.117.678	253.954
- Xăng E5	Lít	83.807	310.184

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xăng RON95	2.789.273.126.437	2.350.035.351.987
Doanh thu kinh doanh xăng E5RON92	1.315.922.664.304	1.798.972.853.625
Doanh thu kinh doanh dầu DO	5.100.469.657.284	5.256.799.312.213
Doanh thu kinh doanh hàng hóa khác	15.367.922.488	7.873.835.119
Hoạt động cung cấp dịch vụ	13.706.003.338	8.192.065.793
Cộng	9.234.739.373.851	9.421.873.418.737
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.930.504.277	1.616.294.666
Chiết khấu thương mại	2.930.504.277	1.616.294.666
Cộng	9.231.808.869.574	9.420.257.124.071
Trong đó		
Doanh thu với các bên liên quan (*)	222.138.309.943	385.197.347.890

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 30.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn kinh doanh xăng RON95	2.706.891.470.818	2.289.934.376.411
Giá vốn kinh doanh xăng E5RON92	1.280.566.640.966	1.754.787.322.450
Giá vốn kinh doanh dầu DO	4.940.837.040.609	5.146.641.042.118
Giá vốn kinh doanh hàng hóa khác	13.599.066.548	5.964.708.882
Giá vốn cung cấp dịch vụ	695.933.688	684.337.320
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.272.742.856	1.392.137.101
Cộng	8.943.862.895.485	9.199.403.924.282

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	63.440.869.882	57.044.135.470
Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	21.295.508.949	21.575.772.055
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.898.750.323	12.691.746.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.230.122.144	54.197.291.493
Chi phí bằng tiền khác	31.215.975.247	35.581.686.562
Cộng	204.081.226.545	181.090.632.377

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	48.003.661.585	36.991.168.425
Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	1.449.026.509	4.333.380.582
Chi phí khấu hao TSCĐ	951.872.994	1.461.107.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.799.483.083	2.842.995.400
Chi phí dự phòng	1.012.801.685	1.872.529.610
Chi phí bằng tiền khác	18.178.839.906	17.384.138.016
Cộng	72.395.685.762	64.885.319.522

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	111.444.531.467	94.035.303.895
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.744.535.458	25.909.152.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.515.238.618	14.837.191.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.029.605.227	57.040.286.893
Chi phí bằng tiền khác	49.394.815.153	52.965.824.578
Chi phí dự phòng	1.012.801.685	1.872.529.610
Cộng	277.141.527.608	246.660.289.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Hỗ trợ tạo nguồn	-	32.742.781.818
Hoàn nhập Quỹ dự phòng rủi ro về môi trường	2.545.590.015	-
Thu nhập khác	142.145.211	1.828.592.235
Cộng	2.687.735.226	34.571.374.053

(*) Công ty thực hiện hoàn nhập Quỹ dự phòng rủi ro bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BTC, ngày 07/02/2023 của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20/06/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận trước thuế	21.138.097.957	16.180.186.144
Các khoản chi phí không được trừ	13.055.819.354	10.554.588.045
- Phân bổ lợi thế vị trí địa lý	6.988.537.404	6.872.661.668
- Phạt thuế	109.517.980	197.316.527
- Chi phí khác	5.957.763.970	3.484.609.850
Thu nhập chịu thuế	34.193.917.311	26.734.774.189
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	6.838.783.462	5.346.954.838

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.299.314.495	10.833.231.306
Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.856.538.922)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.299.314.495	8.976.692.384
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	26.456.410	26.456.410
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	540	339

(*) Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2023, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên số 1108/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

<u>Đơn vị</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (Timexco)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Cùng Công ty mẹ

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn	5.504.512.340	4.508.022.756
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	2.774.623.129	1.960.994.580
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	1.159.445.410	857.007.030
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	1.069.469.758	965.552.330
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	202.100.970	229.851.620
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	151.798.040	280.254.760
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	86.240.890	136.632.670
Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	37.196.750	2.168.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	11.864.260	64.776.830
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	8.554.050	7.373.500
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	3.219.083	3.411.436
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	143.850	115.000.160
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	143.850	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	-	115.000.160

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	501.600.000	501.600.000
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	501.600.000	501.600.000

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	176.880.974.100	251.001.460.862
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	115.333.721.785	169.111.481.545
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	36.992.972.590	36.833.452.650
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	8.902.209.452	15.268.711.988
Công ty Cổ phần Dầu Nhôm PVOIL	7.316.600.008	11.995.938.231
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	6.560.447.606	11.332.527.446
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	1.437.795.662	-
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	318.642.520	240.681.706
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	18.584.477	9.885.830
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	-	6.100.978.383
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	-	107.451.963
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	-	351.120

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	54.965.965.127	45.560.057.686
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí PVOIL Miền Trung	8.095.825.783	7.774.394.590
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	6.220.989.158	4.632.613.769
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	6.034.658.488	2.497.698.803
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	5.869.664.725	4.317.324.750
Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	4.793.314.271	4.289.950.729
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	4.659.740.520	4.330.257.763
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	4.601.124.855	4.195.301.040
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	2.534.349.459	1.441.502.868
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	2.174.182.703	1.735.533.830
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	2.122.729.837	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	1.951.149.030	84.888.039
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	1.519.309.147	3.812.177.840
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	1.517.754.430	1.069.492.250
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	1.021.744.640	2.080.514.760
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	857.980.380	729.317.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác (Tiếp theo)		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	422.378.810	317.738.886
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	352.355.450	312.973.034
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	113.409.851	31.232.039
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	103.303.590	166.161.830
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	-	1.740.983.246

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Bán hàng hóa và dịch vụ	222.138.309.943	385.197.347.890
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	65.000.443.364	41.202.048.186
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	48.397.551.771	46.452.711.591
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	31.457.406.590	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	21.640.855.774	67.930.711.408
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	20.063.152.864	51.139.433.855
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	17.286.993.455	41.767.717.856
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	12.544.383.942	58.870.459.136
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	1.947.965.599	7.191.414.864
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	1.501.985.835	1.283.727.271
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	678.882.180	195.624.955
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	568.346.864	10.425.883.870
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	356.736.954	181.766.181
Công ty Cổ phần Xăng dầu Mê Kông	251.793.953	145.465.173
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	177.884.999	7.147.528.453
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	153.516.119	18.526.615.546
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	42.409.774	5.722.595.729
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	31.148.318	26.968.098.909
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	26.669.726	20.955.818
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	6.821.727	7.253.454
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	3.360.135	560.454
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	-	16.053.544
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	-	721.637

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.919.344.017.078	8.781.753.853.033
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	8.306.297.948.890	7.952.048.336.655
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	217.290.868.310	132.030.659.684
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	97.912.133.740	118.672.681.128
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	76.866.431.937	91.427.267.445
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	75.227.809.412	111.215.296.232
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	74.254.879.972	90.064.346.687
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	40.563.766.237	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	7.773.459.014	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	7.330.872.271	6.790.093.136
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	3.502.367.319	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	3.494.545.455	65.295.999.999
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	3.328.181.818	-
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	2.308.693.390	17.443.138.834
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	1.857.638.295	37.442.816.566
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	921.855.680	28.120.660.273
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	173.090.442	26.556.141.248
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	143.475.379	2.387.714.716
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	87.284.789	41.219.740
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	7.974.409	6.576.176.590
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	740.319	22.510.900.046
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	-	40.092.303.673
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	-	31.256.041.682
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	-	1.782.058.699
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	-	479.048.154

Thù lao, thu nhập của Ban điều hành Công ty

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thù lao HĐQT và BKS	137.177.419	168.000.000
Thù lao	137.177.419	168.000.000
Thu nhập Ban giám đốc	7.065.792.000	5.728.320.000
Lương, thưởng	7.065.792.000	5.728.320.000

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và các khoản nợ phải trả. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, các khoản nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.453.511.414	60.514.133.784
Các khoản phải thu	282.968.938.354	331.992.092.488
Cộng tài sản tài chính	341.422.449.768	392.506.226.272
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản nợ tài chính		
Phải trả người bán ngắn hạn	192.110.079.550	261.506.079.266
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.128.000.005	984.831.189
Các khoản phải trả, phải nộp khác	61.912.491.337	54.127.097.777
Doanh thu chưa thực hiện	1.765.957.977	1.998.725.003
Cộng các khoản nợ tài chính	256.916.528.869	318.616.733.235

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có rủi ro tỷ giá do không có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty kinh doanh các mặt hàng xăng, dầu phụ thuộc nhiều vào biến động giá cả thế giới và được mua từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP nên Công ty có thể chịu nhiều rủi ro về biến động giá đầu vào. Công ty chưa thể áp dụng các công cụ cần thiết để giảm thiểu các rủi ro này do Việt Nam chưa có thị trường ngoài việc trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có phải chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa các khoản nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của các khoản nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tại 01/01/2023			
Phải trả người bán ngắn hạn	261.506.079.266	-	261.506.079.266
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.998.725.003	-	1.998.725.003
Các khoản phải trả, phải nộp khác	54.127.097.777	-	54.127.097.777
Cộng	318.616.733.235	-	318.616.733.235
Tại 31/12/2023			
Phải trả người bán ngắn hạn	192.110.079.550	-	192.110.079.550
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.128.000.005	-	1.128.000.005
Các khoản phải trả, phải nộp khác	61.912.491.337	-	61.912.491.337
Cộng	256.916.528.869	-	256.916.528.869

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức độ đáo hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết thể hiện được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tại 01/01/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.514.133.784	-	60.514.133.784
Các khoản phải thu	331.992.092.488	-	331.992.092.488
Cộng	392.506.226.272	-	392.506.226.272
Tại 31/12/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.453.511.414	-	58.453.511.414
Các khoản phải thu	282.968.938.354	-	282.968.938.354
Cộng	341.422.449.768	-	341.422.449.768

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu các loại. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 22 và 23 Phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng

Lê Đức Dân



Giám đốc

Trần Mạnh Hà

Số: 1041/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2023 của PVOIL Hà Nội đã được Công ty TNHH An Việt kiểm toán ngày 31/01/2024 (đính kèm);

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội với một số chỉ tiêu chính như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị tại 31/12/2023
I	TỔNG TÀI SẢN	679.380.884.756
1	Tài sản ngắn hạn	424.365.010.213
	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	62.103.511.414
	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	293.647.828.586
	<i>Hàng tồn kho</i>	65.359.355.397
	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	3.254.314.816
2	Tài sản dài hạn	255.015.874.543
	<i>Tài sản cố định</i>	140.029.608.540
	<i>Bất động sản đầu tư</i>	9.984.687.972
	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	8.842.587.805
	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	1.693.459.510
	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	94.465.530.716
II	NGUỒN VỐN	679.380.884.756
1	Nợ phải trả	374.933.761.320
	<i>Nợ ngắn hạn</i>	374.933.761.320
	<i>Nợ dài hạn</i>	0
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	304.447.123.436



Số: 1040/TTr-HDQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về phương án phân chia lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Hà Nội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/01/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân chia lợi nhuận năm 2023, kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2024, như sau:

A. Tình hình thực hiện kế hoạch 2023:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023
I	Tổng tài sản	679.380.884.756
a	Tài sản ngắn hạn	424.365.010.213
b	Tài sản dài hạn	255.015.874.543
II	Tổng nguồn vốn	679.380.884.756
a	Nợ phải trả	374.933.761.320
b	Vốn chủ sở hữu	304.447.123.436
III	Kết quả kinh doanh	
1	Doanh thu thuần	9.231.808.869.574
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2023	21.138.097.957
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	14.299.314.495
4	Lợi nhuận còn lại năm 2022 chuyển sang	1.221.045.708
5	Tổng lợi nhuận còn lại năm 2022 và 2023 (5=3+4)	15.520.360.203



B. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2023:

Căn cứ các nội dung về kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2023 tại Nghị quyết số 1180/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2023 và kết quả hoạt động SXKD năm 2023 như trên, Ban điều hành đề xuất Hội đồng Quản trị xem xét phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2023 kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2024; thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2023 và kế hoạch thù lao năm 2024 như sau:

I. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2023, kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2024

1. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2023.

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Giá trị
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 trước khi trích lập các quỹ tính đến hết 31/12/2023		14.299.314.495
2	Trích lập quỹ	46,0%	6.577.684.668
-	Quỹ khen thưởng	5,00%	714.965.725
-	Quỹ thưởng cán bộ quản lý (tương đương 1,5 tháng lương)	6,18%	883.224.000
-	Quỹ phúc lợi	27,82%	3.978.542.928
-	Quỹ đầu tư phát triển	7,0%	1.000.952.015
3	Lợi nhuận năm 2023 còn lại trước khi chia cổ tức (3=1-2)		7.721.629.827
4	Lợi nhuận còn lại năm 2022		1.221.045.708
5	Tổng lợi nhuận năm 2022 +2023 còn lại trước chi cổ tức		8.942.675.535
6	Chi cổ tức	3,00%	7.936.923.000
7	Lợi nhuận còn lại sau chi cổ tức (7=5-6)		1.005.752.535

2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2024

STT	Nội dung	Diễn giải
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	LNST
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 trước khi trích lập các quỹ ¹	
3	Trích lập các quỹ. Dự kiến ² : - Quỹ Khen thưởng - Quỹ Phúc lợi - Quỹ Đầu tư Phát triển - Quỹ thưởng Người quản lý	40% Lợi nhuận trước khi trích lập các quỹ

¹ LNST trước khi trích quỹ được xác định bằng LNST trừ đi các khoản gồm: Lợi nhuận chia cho các bên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có); Lỗ lũy kế năm trước chuyển sang (nếu có); Truy thu thuế (nếu có) và các khoản khác được trích vào LNST theo quy định;

² Tỷ lệ trích cụ thể sẽ thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH và các quy định hiện hành của Nhà nước;

STT	Nội dung	Diễn giải
4	Lợi nhuận còn lại năm 2024 sau khi trích lập các quỹ	$4 = 2 - 3$
5	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	
6	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức năm 2024	$6 = 4 + 5$
7	Chia cổ tức năm 2024	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

Trên đây là Tờ trình phân chia lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC, LTH. 01b.

[Handwritten mark]

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *[Handwritten signature]*



Vũ Hoài Lam



Số: 1039/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về thù lao - thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội năm 2023 và kế hoạch 2024

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Căn cứ điểm K khoản 2 Điều 138, điểm a khoản 2 Điều 163, khoản 1 Điều 172 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 26/05/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 1180/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2023;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông về tiền thù lao - thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty năm 2023; kế hoạch năm 2024; Báo cáo tiền lương năm 2023 của Giám đốc Công ty và người quản lý khác như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách

TT	Chức danh	Số người	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch 2024
I	Đối với PVOIL Hà Nội			
1	Chủ tịch HĐQT	01	6.500.000 đ/người/tháng	
2	Thành viên HĐQT	01	3.500.000 đ/người/tháng	3.500.000 đ/người/tháng
3	Thành viên Ban kiểm soát	02	2.000.000 đ/người/tháng	2.000.000 đ/người/tháng
	cộng		137.177.419 đồng	90.000.000 đồng

Ghi chú: Ngày 9/8/2023 Chủ tịch HĐQT Công ty chuyển sang Chủ tịch HĐQT chuyên trách Công ty, Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty hoặc Phó Giám đốc Công ty, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương và phụ cấp kiêm nhiệm theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

2. Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác năm 2023



TT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện năm 2023
1	Ông Vũ Hoài Lam	Chủ tịch HĐQT	350.584.167
2	Ông Trần Mạnh Hà	Thành viên HĐQT, Giám đốc	562.014.090
3	Ông Đào Xuân Hữu	Thành viên HĐQT chuyên trách	423.171.370
4	Ông Đỗ Khắc Cường	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CN Hà Giang	392.313.581
5	Ông Đào Đại Thắng	Phó Giám đốc	422.059.038
6	Ông Trần Việt Hùng	Phó Giám đốc	414.472.731
7	Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Giám đốc	402.462.388
8	Bà Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc	381.384.469
9	Ông Vũ Văn Nghị	Trưởng ban kiểm soát	356.081.396
10	Ông Lê Đức Dân	Kế toán trưởng	369.993.142
	Quỹ lương tồn của Người quản lý chuyên trách đến thời điểm 31/12/2023		2.991.255.629 đồng
	Tổng cộng		7.065.792.000 đồng

Ghi chú: Ông Vũ Hoài Lam là Chủ tịch HĐQT chuyên trách kể từ ngày 9/8/2023.

3. Kế hoạch Quỹ lương năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Kế hoạch tiền lương năm 2024
1	Thành viên HĐQT	4	2.907.240.000
2	Phó Giám đốc Công ty	4	2.366.805.000
3	Trưởng ban kiểm soát	1	484.050.000
4	Kế toán trưởng	1	505.905.000
	Cộng	10	6.264.000.000 đồng

Ghi chú: 01 thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT chuyên trách, 01 thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty và 02 thành viên HĐQT chuyên trách.

4. Quỹ thưởng Người quản lý (HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành)

- Thực hiện năm 2023: Công ty trích Quỹ thưởng Người quản lý với số tiền là 883.224.000 đồng tương đương 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý Công ty.

- Kế hoạch năm 2024:

+ Lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch: trích tối đa 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách.

+ Lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch: trích tối đa không quá 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách.

Trên đây là Tờ trình về tiền thù lao - thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TCHC, LTH. 01b

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Hoài Lam



Số: 1038/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được phê duyệt và ban hành ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Công văn số 156/2024/CV-CTHĐTV.03.05 ngày 06/3/2024 của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương v/v thay đổi người đại diện vốn góp;

Căn cứ Công văn số 157/2024/CV-CTHĐTV.03.05 ngày 06/3/2024 của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương v/v thay đổi thành viên Hội đồng quản trị;

Căn cứ Công văn số 158/2024/CV-CTHĐTV.03.05 ngày 06/3/2024 của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương v/v thay đổi thành viên Ban kiểm soát;

Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát PVOIL Hà Nội như sau:

1. Đối với Thành viên Hội đồng quản trị

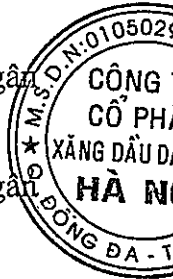
- Miễn nhiệm Ông Hoàng Minh Thái – Thành viên Hội đồng quản trị của PVOIL Hà Nội (CCCD số 001084029897 cấp ngày 07/6/2018 tại Cục ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư);

- Bầu bổ sung Bà Đào Hồng Ngọc giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị của PVOIL Hà Nội thay thế cho Ông Hoàng Minh Thái. Thông tin về nhân sự thay thế như sau:

+ Họ và tên: Đào Hồng Ngọc;

+ Chức vụ: Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư – Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương;

+ Căn cước công dân số: 001185002399 cấp ngày 09/11/2022 tại Cục CSQLHC về TTXH;



+ Địa chỉ thường trú: Nhà số 8, ngõ 109/2 Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội.

2. Đối với Thành viên Ban kiểm soát

- Miễn nhiệm Bà Trần Thị Bích Ngọc – Thành viên Ban kiểm soát của PVOIL Hà Nội (CCCD số 008175002421 cấp ngày 10/5/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH);

- Bầu bổ sung Bà Bùi Thị Hải Yến giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát của PVOIL Hà Nội thay thế cho Bà Trần Thị Bích Ngọc. Thông tin về nhân sự thay thế như sau:

+ Họ và tên: Bùi Thị Hải Yến;

+ Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý đầu tư - Khối Nguồn vốn và Đầu tư – Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương;

+ Căn cước công dân số: 038187040886 cấp ngày 22/11/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH;

+ Địa chỉ thường trú: Phòng 2211, tòa nhà TTTM&CHCC Khu đô thị XaLa, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng kính trình./.



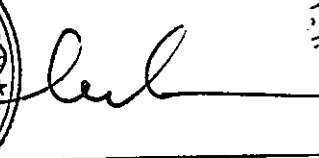
Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban Kiểm soát (để biết);
- Lưu VT, TCHC, LTH.01b.

Gửi kèm:

- Sơ yếu lý lịch của Bà Đào Hồng Ngọc;
- Sơ yếu lý lịch của Bà Bùi Thị Hải Yến.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Hoài Lam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

Họ và tên : Đào Hồng Ngọc

Ngày sinh : 03/06/1985

Số CMND : 001185002399 cấp ngày 09/11/2022 Do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp.

Địa chỉ thường trú : Nhà số 8, Ngõ 109/2 Trung Liệt, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế Đầu tư

2. Quá trình học tập

Tên trường	Ngành học	Thời gian	Bằng cấp
Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh	2003-2007	Cử nhân
Viện đào tạo sau đại học – Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư	2008-2011	Thạc sỹ

3. Tóm tắt kinh nghiệm công tác

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, đơn vị công tác
08/2021 đến nay	Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư
04/2021 – 08/2021	Phó Giám đốc phụ trách Khối Nguồn vốn và Đầu tư
10/2020 – 04/2021	Phó Giám đốc phụ trách Khối Nguồn vốn và Đầu tư kiêm Trưởng phòng Quản lý vốn đầu tư – Khối Nguồn vốn và Đầu tư - OceanBank
08/2018 – 10/2020	Phó Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư kiêm Trưởng phòng Quản lý vốn đầu tư – Khối Nguồn vốn và Đầu tư - OceanBank
12/2016 - 08/2018	Trưởng Phòng Quản lý vốn đầu tư – Khối Nguồn vốn và Đầu tư - OceanBank
08/2016 - 12/2016	Phó Phòng Quản lý vốn đầu tư – Khối Nguồn vốn và Đầu tư - OceanBank
10/2015 - 8/2016	Chuyên viên chính - Phòng Đầu tư ngắn hạn - Khối Đầu tư tài chính - OceanBank



(Handwritten signature)

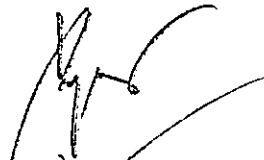
Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, đơn vị công tác
02/2010 - 10/2015	Chuyên viên Đầu tư tài chính - Phòng Đầu tư ngắn hạn - Khối Đầu tư tài chính - OceanBank
02/2009 - 02/2010	Thư ký TGD - Văn phòng hội sở - Khối Hỗ trợ Kinh doanh - OceanBank
12/2008 - 02/2009	Giao dịch viên - Phòng Kế toán, kho quỹ - Chi nhánh Thăng Long - OceanBank
04/2008 - 12/2008	Kế toán - Ban trụ bị thành lập Ngân hàng Hồng Việt

Tôi cam kết với Quý Công ty về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân trong bản sơ yếu lý lịch này.

Trân trọng./.

Hà Nội, ngày 07. tháng 3... năm 2024

Người khai


Đào Hồng Ngọc

Xác nhận của OceanBank



Nguyễn Văn Thông



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

Họ và tên : Bùi Thị Hải Yến
Ngày sinh : 09/08/1987
Số CMND : 038187040886 cấp ngày 22/11/2021 tại: Cục CSQLHC về TTXH;
Địa chỉ thường trú : P2211-Tòa nhà TTTM&CHCC, Khu đô thị Xa La, Hà Đông, HN.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

2. Quá trình học tập

Tên trường	Ngành học	Thời gian	Bằng cấp
Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp	2005-2009	Cử nhân

3. Tóm tắt kinh nghiệm công tác

Thời gian công tác	Chức danh
05/2023 – nay	Trưởng phòng Quản lý đầu tư - Khối Nguồn vốn và Đầu tư - OceanBank
09/2022 – 05/2023	Trưởng phòng Quản lý vốn đầu tư - Khối Nguồn vốn và Đầu tư - OceanBank
04/2021 – 09/2022	Phó trưởng phòng phụ trách phòng Quản lý vốn đầu tư - Khối Nguồn vốn và Đầu tư - OceanBank
05/2019 – 04/2021	Phó trưởng phòng Quản lý vốn đầu tư - Khối Nguồn vốn và Đầu tư - OceanBank
01/2018 – 05/2019	Chuyên viên chính Quản lý vốn đầu tư – Phòng Quản lý vốn đầu tư - Khối Nguồn vốn và Đầu tư - OceanBank
11/2016 – 12/2017	Chuyên viên Quản lý vốn đầu tư - Phòng Quản lý vốn đầu tư - Khối Nguồn vốn và Đầu tư - OceanBank
11/2010 – 11/2016	Chuyên viên dịch vụ tài chính - Phòng Dịch vụ và Sản phẩm phái sinh - Khối Đầu tư tài chính - OceanBank
01/2010 – 10/2010	Chuyên viên Kế toán tổng hợp - Ban Kế toán Tổng hợp - OceanBank

Tôi cam kết với Quý Công ty về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân trong bản sơ yếu lý lịch này.

Trân trọng./.

Hà Nội, ngày 01 tháng 2 năm 2024

Người khai

Bùi Thị Hải Yến

Xác nhận OceanBank
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
ĐẠI DIỆN
TP. HÀ NỘI
CHỖ CHỮ KÝ & Q/VP
Nguyễn Văn Chông

Số: 1234/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội với Tổng công ty Dầu
Việt Nam-CTCP và người có liên quan của PVOIL

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Dầu Việt Nam-CTCP (PVOIL) là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, có cổ phần chi phối và sở hữu 71,84% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PVOIL Hà Nội) và là doanh nghiệp đầu mối có quy mô lớn, quản lý 27 công ty con trong và ngoài nước.

Do đặc thù kinh doanh xăng dầu của PVOIL, PVOIL đảm nhận vai trò đầu mối tạo nguồn cho các công ty con bán hàng ra thị trường, các công ty con phân phối theo thị trường được Tổng công ty phân công. Để linh hoạt và thuận lợi trong việc chủ động nguồn hàng trong từng thời điểm, các công ty con đồng thời cũng ký các hợp đồng mua bán, vay mượn xăng dầu với nhau. Năm 2023, giá trị giao dịch PVOIL Hà Nội với PVOIL và các công ty con của PVOIL như sau:

- Giá trị giao dịch PVOIL Hà Nội mua của PVOIL là 9.118,64 tỷ đồng.
- Giá trị giao dịch PVOIL Hà Nội đã mua bán với các công ty con của PVOIL là 892,55 tỷ đồng.

Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2024 PVOIL Hà Nội trình ĐHĐCĐ, tổng sản lượng kinh doanh xăng dầu của PVOIL Hà Nội năm 2024 là 492.000 m³/tấn, doanh thu 7.594,6 tỷ đồng, trong đó nguồn hàng dự kiến mua từ PVOIL tối thiểu khoảng 95%, lãi gộp bình quân kế hoạch là 525 đồng/lít.

Theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 thì các hợp đồng, giao dịch giữa PVOIL Hà Nội với các đối tượng là cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của PVOIL Hà Nội và những người có liên quan của họ có giá trị giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản PVOIL Hà Nội ghi trong báo cáo tài chính gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Do vậy, để chủ động trong công tác đảm bảo nguồn hàng, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và hiệu quả hoạt động, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các hợp đồng, giao dịch mua bán xăng dầu có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng tài sản trên Báo cáo tài chính năm 2023 giữa PVOIL Hà Nội với PVOIL và người liên quan của PVOIL như sau:



1. Thông qua hợp đồng, giao dịch với PVOIL, người có liên quan của PVOIL với nội dung chủ yếu và giá trị hợp đồng, giao dịch như sau:

- Tên hàng hóa: Xăng, Dầu các loại.
- Loại hợp đồng: Mua bán, tiêu thụ, vay mượn, gửi kho xăng dầu.
- Khối lượng giao dịch dự kiến: 492.000 m³, tấn (+/- 20%)
- Giá giao dịch: phù hợp với giá thị trường và biến đổi theo giá bán lẻ xăng dầu.
- Chất lượng: Theo tiêu chuẩn Việt Nam.
- Thanh toán: Bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng hoặc cầm trả công nợ.

Tổng giá trị giao dịch với Người liên quan phát sinh trong kỳ sẽ được nêu trong báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm của PVOIL Hà Nội.

Trường hợp phát sinh hợp đồng, giao dịch mới hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch ngoài phạm vi đã được thông qua như trên, Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

2. Thời gian áp dụng: Từ ngày thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đến ngày thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 nhưng không vượt quá ngày 30/6/2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để c/đạo t/hiện);
- Ban KS (để biết);
- Lưu VT, TCHC, LTH.01b.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Hoài Lam

